



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : 241114.NT.013
Ký hiệu mẫu : NT1

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 - 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550.B:2017	°C	27,2	40
3	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	84,51	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	73	50
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	92	30
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	241	75
7	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	8,60	5
8	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,55	4
9	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	37,36	20
10	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	KPH (MDL=0,25)	1
11	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	136	500
12	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-.B&D:2017	mg/L	1,14	5
13	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,15	0,2
14	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	1,5	5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

BM.12.01

Ban hành lần 3

Trang: 2/9



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A
15	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	0,02	0,1
16	Tổng xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	0,0103	0,07
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,004)	0,05
18	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,055)	0,2
19	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,51	1
20	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,05)	0,5
21	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,095)	2
22	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,1)	3
23	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	0,2
24	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,05
25	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,0003 (LOQ=0,0003)	0,05
26	Chì (Pb)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,015)	0,1
27	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0007)	0,005
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(e)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	KPH (MDL=0,007)	50
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(f)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	KPH (MDL=0,002)	300
30	Tổng PCB ^(g)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,003
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011 + TCVN 6053:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

BM.12.01

Ban hành lần 3

Trang: 3/9



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVV

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011 + TCVN 6219:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,25)	1,0
33	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	$7,9 \times 10^3$	3000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- (e): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;

- (f): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;

- (g): Tổng hàm lượng các hóa chất PCBs trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Mẫu nước thải tại đầu vào hệ thống xử lý. Tọa độ: $20^{\circ}23'14.697''$, $106^{\circ}31'12.422''$

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

BM.12.01

Ban hành lần 3

Trang: 4/9



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : 241114.NT.014
Ký hiệu mẫu : NT2

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 - 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550.B:2017	°C	26,8	40
3	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<15 (LOQ=15)	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	18	50
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	11	30
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	29	75
7	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,06	5
8	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,82	4
9	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/L	16,46	20
10	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<0,75 (LOQ=0,75)	1
11	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	197	500
12	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-.B&D:2017	mg/L	0,3	5
13	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	KPH (MDL=0,035)	0,2
14	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	<0,9 (LOQ=0,9)	5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

BM.1201

Ban hành lần 3

Trang: 5/9



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A
15	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,1
16	Tổng xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,07
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,004)	0,05
18	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,055)	0,2
19	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,075 (LOQ=0,075)	1
20	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,05)	0,5
21	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,095)	2
22	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,1)	3
23	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	0,2
24	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,05
25	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,0003 (LOQ=0,0003)	0,05
26	Chì (Pb)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,015)	0,1
27	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0007)	0,005
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(e)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	KPH (MDL=0,007)	50
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(f)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	µg/L	KPH (MDL=0,002)	300
30	Tổng PCB ^(g)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,003
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011 + TCVN 6053:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

BM.12.01

Ban hành lần 3

Trang: 6/9



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011 + TCVN 6219:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,25)	1,0
33	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	270	3000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- (e): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;
- (f): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;
- (g): Tổng hàm lượng các hóa chất PCBs trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT và QĐ 09/GCN-BTNMT ;
- Vị trí lấy mẫu:
 - + NT2: Mẫu nước tại mương quan trắc. Tọa độ: 20°23'14.949", 106°31'13.17
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
 - + Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng

3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

BM.12.01

Ban hành lần 3

Trang: 7/9